

Bản án số: **67/2026/HS-PT**
Ngày: 12-6-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Thuần**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Trâm Anh**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo **Danh C**, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Danh Cảnh**, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2003 tại: **G, An Giang**; Nơi cư trú: **ấp A, xã G, tỉnh An Giang**; Số CCCD: 091203008954; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; **H** và tên cha: **Danh K**; Họ và tên mẹ: **Thị Kiệt**; Bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1990, Bị cáo là người con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền sự: 01: Quyết định số: 20/QĐ-XPHC ngày 24/4/2025 của **Công an xã Đ, huyện G tỉnh Kiên Giang**, xử phạt 1.500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. (đã nộp phạt xong); Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/9/2025, tạm giam từ ngày 08/9/2025 đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo **Danh C:** Luật sư **Nguyễn Quốc V** - **Văn phòng L1** thuộc **đoàn Luật sư tỉnh A**. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Thị K1**, sinh năm: 1970
Địa chỉ: **ấp A, xã G, tỉnh An Giang** (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/9/2025, sau khi **Danh C** cùng với **Danh T**, sinh ngày: 30/10/2007 trú tại **ấp A, xã G, tỉnh An Giang** và **Danh Minh Q**, sinh ngày: 17/5/2008 trú **ấp A, xã G** uống bia xong tại **quán H3** thuộc **ấp A, xã G**. Lúc này, **Danh Minh Q** điều khiển xe máy nhãn hiệu SYMAX màu đen bạc, biển số 68M2-6230 chở **Danh T** ngồi giữa và **Danh C** ngồi phía sau về nhà **C** ở **khu dân cư Đ, xã G**. Khi đến đoạn đường thuộc **ấp A, xã G**, **Q** dừng lại và bị ngã xe, **C** lấy cây dao Thái Lan có quần băng keo đen ở cán mang theo bên mình ra và cầm trên tay, Lúc này **Danh Đ**, sinh năm: 2002 điều khiển xe mô tô Trung Quốc không rõ nhãn hiệu, màu xanh, biển số 68M4-0983 chở theo **Danh Tài**, sinh ngày: 30/12/2012 cùng địa chỉ **ấp D, xã V** đi từ **S** về **xã V**. Do **Đ** biết **C** là người ở địa phương và thấy **C** đang cầm dao trên tay nên dừng lại hỏi **C** “*Làm gì mà cầm dao thấy ghê vậy?*”, **C** không trả lời và kêu **Đ** “*đi đi*”. Sau đó, **Đ** tiếp tục điều khiển xe chở **T1** đi về phía trước thì **C** mới nảy sinh ý định rượt theo đánh **Đ** để chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy **Đ** đang điều khiển bán lấy tiền tiêu xài. Cảnh kêu **Q** điều khiển xe chở **C** và **T** đuổi theo để đánh **Đ** và nói “*Rượt theo đánh hai thằng nó*”, khi đến đoạn **đường Q (gần huyện Đ cũ)** thuộc **ấp A, xã G, tỉnh An Giang** xe của **C** đuổi kịp và chặn đầu xe của **Đ**. Khi **Đ** dừng xe lại, **T1** ngồi sau sợ bị đánh nên bỏ chạy qua **quán C1** để trốn. **C** xuống xe lấy cây dao Thái Lan từ trong lưng quần ra và cầm dao trên tay, mũi dao quay về hướng Cảnh còn cán dao quay về hướng **Đ** đe dọa rồi **C** cắt dao lại vào lưng quần và dùng tay trái nắm cổ áo **Đ**, **Q** cũng xuống xe dùng tay đánh trúng vào mặt **Đ** 01 cái, đồng thời lúc này **C** dùng tay, chân đánh và đá vào người **Danh Định** khoảng 02-03 cái trúng vào bụng, lưng và mặt của **Đ**, riêng **T** chỉ đứng nhìn không có tham gia đánh **Đ**. Khi đánh **Đ** xong, **C** lấy cây dao ra và cầm bằng tay trái, hướng mũi dao về **C** và cán quay về hướng **Đ**, nhằm mục đích hù dọa cho **Đ** sợ, bỏ chạy để xe lại cho **C** chiếm đoạt. Do bị đánh và thấy **C** có cầm dao trên tay nên **Đ** sợ hãi bỏ lại xe và chạy vào nhà dân gần đó để lẩn trốn, lúc này xe máy của **Đ** đã tắt máy và chìa khóa vẫn còn trên xe. Thời điểm này **C** chưa dám lấy xe vì sợ **Đ** báo Công an nên **C** dùng chân đạp ngã xe của **Đ**, rồi cắt cây dao Thái Lan vào lưng quần và lên xe để **Q** chở cùng **T** chạy đi tiếp tục tìm đánh **Đ**, chạy được một đoạn khoảng 50m không thấy **Đ** quay lại lấy xe nên **C** kêu **Q** quay xe lại để **C** lấy xe của **Đ**, **Q** và **T** không đồng ý lấy xe và khuyên **C** không nên lấy xe của **Đ**. Tuy nhiên, do **Danh C** không có phương tiện đi lại nên đã cương quyết kêu **Q** chở **C** quay lại lấy xe của **Đ** nhằm mục đích sử dụng. Sau khi lấy được xe của **Đ**, **C** điều khiển một mình chạy trước, còn **Q** chở **T** chạy theo sau hướng về **khu dân cư Đ**, đi được một lúc cả 03 dừng lại nói chuyện. **Q** và **T** nói với **C** là mang xe lên xã để trả lại cho bị hại nhưng **C** không đồng ý vì sợ bị bắt, **C** nói với **Q** mang xe đi bán nhưng **Q** và **T** không đồng ý. Sau khi kêu **C** trả xe không được nên **Q** và **T** điều khiển xe về nhà, **C** điều khiển xe về nhà ông

Trần T1 thuộc ấp A, xã G và chạy xe ra phía sau nhà ông T1 rồi dùng tay bẻ biển số xe, sau đó cầm con dao Thái Lan và biển số xe này ném vào khu vực vườn tạp phía sau nhà ông T1 rồi điều khiển về nhà ông ngoại Cảnh tên Danh L thuộc ấp A, xã G, tỉnh An Giang đậu xe bên hông nhà, rồi đi ngủ. Sau đó, Công an xã G mời D, Danh Minh Q và Danh T về trụ sở làm việc, qua điều tra Danh C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 937/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SAVI; Màu sơn: xanh; biển số đăng ký 68M4 – 0983; số khung: VNTWCH013NT007786; số máy: VNTIP53FMH00007786, năm sản xuất 2007, xe đã qua sử dụng. Thời điểm định giá ngày 01/9/2025 có giá là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng)

* Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- 01 (Một) chiếc xe gắn máy Trung Quốc, không có tem nhãn hiệu; màu xanh; không có biển số; số khung VNTWCH013NT007786; số máy VNTIP53FMH00007786, xe đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc xe gắn máy Trung Quốc nhãn hiệu SYMAX; màu đen bạc, biển số 68M2-6230; số khung CHEPD7A000675; số máy P50FMH-7A000675, xe đã qua sử dụng.

- 01 (Một) biển số xe máy 68M4-0983.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý các vật chứng nêu trên và tiến hành trao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh H1 và Danh H2.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST, ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Danh C phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Áp dụng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Danh C 09 (chín) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/9/2025.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/4/2026, bị cáo Danh C có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 09 năm tù là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo tác động gia đình tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng theo biên bản giao nhận tiền ngày 10/4/2026 đồng thời người bị hại Danh Định cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên có cơ sở để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo từ 09 năm tù xuống từ đến 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

** Quan điểm của Luật sư Nguyễn Quốc V bảo chữa cho bị cáo Danh C:* Thống nhất với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo là tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo có tác động gia đình tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng và đồng thời người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đây là tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo, tài sản mà bị cáo cướp của người bị hại không lớn chỉ có 950.000 đồng mức án mà cấp sơ thẩm tuyên có phần hơi nghiêm khắc, bị cáo là người dân tộc Khmer vùng sâu vùng xa phạm tội do lạc hậu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị dưới khung hình phạt liên kề để xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

** Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/9/2025 trên đoạn đường Q (gần huyện Đ cũ) thuộc ấp A, xã G, tỉnh An Giang. Danh C đã thực hiện hành vi rượt đuổi theo chặn xe và dùng dao Thái lan đe dọa, dùng vũ lực đối với bị hại làm bị hại hoảng sợ bỏ chạy để bị cáo thực hiện chiếm đoạt tài sản của bị hại D là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAVI; Màu sơn: xanh; biển số đăng ký 68M4 - 0983, tài sản chiếm đoạt có giá trị là 950.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án 09 năm tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo biết rõ tài sản hợp pháp của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

Xét về nhân thân: Tiền sự: 01: Quyết định số: 20/QĐ-XPHC ngày 24/4/2025 của công an xã Đ, huyện G tỉnh Kiên Giang, xử phạt 1.500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. (đã nộp phạt xong)

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo tác động gia đình tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng theo biên bản giao nhận tiền ngày 10/4/2026 đồng thời người bị hại Danh Định cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo, đồng thời bị cáo là người dân tộc Khmer cũng hạn chế khả năng nhận thức về pháp luật, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù là có phần hơi nghiêm khắc nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo, tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là không lớn theo kết quả giám định tài sản chiếc xe bị cáo cướp của người bị hại có giá trị 950.000 đồng, đồng thời tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để áp dụng xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt liền kề cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo **Danh C** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng quan điểm của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc sửa Bản án sơ thẩm là không có lỗi của cấp sơ thẩm, do tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Danh C**, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh An Giang.

2. Áp dụng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Bị cáo **Danh C 06** (sáu) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/9/2025.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Danh C** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 22/2026/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh An Giang không có

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Tối cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Tối cao tại **Tp . HCM** (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra kv (1)
- VKS kv (1)
- Tòa án kv (1)
- Phòng thi hành án dân sự kv (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thuận